Câu Bị Động

Passive Voice

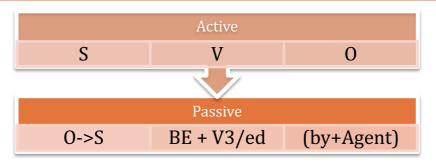
Câu bị động nhấn mạnh hành động hoặc đối tượng chịu tác động, không nhấn mạnh người/đối tượng thực hiện.

E.g: The window was broken. (Cửa sổ bị vỡ.)

Dùng khi:

- Không biết/không quan trọng ai làm
 - My bike was stolen yesterday.
- Hành động quan trọng hơn tác nhân
 - o Homework must be submitted by Friday.
- Giọng văn trang trọng/khoa học/tin tức
 - o The drug is administered twice daily.

Công thức tổng quát



Ghi nhớ nhanh: Passive = BE + V3/ed; By + Agent không bắt buộc.

Mẹo: Xác định thì của V chủ động \rightarrow chia BE tương ứng \rightarrow V chính sang V3/ed.

Bảng công thức theo thì					
Present Simple	am/is/are + V3/ed	The room is cleaned every day.			

BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS

BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS

Present Continuous	am/is/are being + V3/ed	The road is being repaired.
Present Perfect	have/has been + V3/ed	The report has been finished.
Past Simple	was/were + V3/ed	My wallet was stolen.
Past Continuous	was/were being + V3/ed	The fence was being painted.
Past Perfect	had been + V3/ed	The bridge had been completed.
Future (will)	will be + V3/ed	The results will be announced tomorrow.
Be going to	am/is/are going to be + V3/ed	A meeting is going to be held.
Future Perfect	will have been + V3/ed	The project will have been finished by June.
Modals	modal + be + V3/ed	The form must be submitted.

Các thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành tiếp diễn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành tiếp diễn không có trong bảng là các thì không thể chuyển đổi (Non-convertible Tenses), về mặt ngữ pháp vẫn có thể chuyển đổi nhưng sẽ rất hạn chế dùng do sẽ khiến người đọc và nghe bối rối và thấy dài dòng.

Các mẫu đặc biệt

- Double Object: The students were given homework. / Homework was given to the students.
- Prepositional Verb: The children were looked after.
- Make/Let/Help: He was made to clean the room.
- Reporting: It is said that... / He is said to...
- Get-passive: He got fired. / Stative: The door is closed.
- Causative: I had my hair cut. / She got her phone repaired.

Quy trình đổi Chủ động → Bị động (4 Bước)

- 1) Xác định S-V-O.
- 2) Xác định thì của V và chia BE tương ứng.
- 3) Đưa 0 lên làm S mới; $V \rightarrow V3/ed$.
- 4) Thêm by + Agent khi cần; kiểm tra hòa hợp chủ-động từ.

BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS



Xác định thì của V và chia BE tương ứng.

Đưa O lên làm S mới; $V \rightarrow V3/ed$.

Thêm by + Agent khi cần; kiểm tra hòa hợp chủ-động từ.

E.g. The storm destroyed many houses last night. \rightarrow Many houses were destroyed (by the storm) last night.

Lỗi thường gặp (Common Mistakes)

- Quên "be"/dùng V-ing thay vì V3/ed (is being built).
- Dùng bị động với nội động từ: arrive, happen, occur...
- Lạm dụng by + Agent khi không cần.

Bảng tóm tắt nhanh

Thì	BE	Mẫu	Ví dụ Passive
Present Simple	am/is/are	am/is/are + V3/ed	The letters are sent every Monday.
Present Continuous	am/is/are being	am/is/are being + V3/ed	The bridge is being repaired now.
Present Perfect	have/has been	have/has been + V3/ed	The tickets have been sold.
Past Simple	was/were	was/were + V3/ed	The song was written in 1990.
Past Continuous	was/were being	was/were being + V3/ed	The patient was being examined.
Past Perfect	had been	had been + V3/ed	The museum had been closed.
Future (will)	will be	will be + V3/ed	The match will be held tomorrow.
Be going to	am/is/are going to be	going to be + V3/ed	A test is going to be given.
Future Perfect	will have been	will have been + V3/ed	The work will have been done.

BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS

Modalsmodal + bemodal + be +The form must beV3/edsubmitted

Tự kiểm tra

Tóm lại sau khi chuyển đổi 1 câu bị động ta cần kiểm tra lại 4 ý sau để

- Đã xác định đúng S-V-O?
- BE chia đúng thì & số?
- V chính → V3/ed?
- Cần/không cần by + Agent?

Website: <u>beoenglishcenter.com</u> Zalo: 0858606147 (Mr. Beo)